T011 BD 2 (25) 160-Luận Bồ Tát Bản Sanh Man-Q9-Như Lai Đầy Đủ Trí Tuệ Không Gánh Việc Tốt Người Khác

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN QUYỂN 9

Cầu chân thật ấy, không tu mà đạt. Điên đảo tận cùng tạo thành nghiệp dữ. Vắng thiếu nhân lành, kiêu mạn càng dày. Quán pháp vô ngã, lìa bỏ tất cả. Là chốn cửa thiền tịch tĩnh, tự tại. Bố thí tuy nhiều, rốt (lại là nhằm) dứt hý luận. Thanh tịnh trùm khắp thế giới chúng sinh. (Bậc) Thanh văn còn chuyển (lên) Đại thừa (mới hoàn toàn) an trụ. Trí tuệ tối thắng, bao la như (cõi) không. Vi diệu sâu xa, nhân hành thuận hợp. Thông tỏ tận cùng, diệu dụng vô biên. Tánh vô (như cõi) hư không, muôn vật tùy thuận. Tham ái, điên đảo (làm cho) tự tánh ngửa nghiêng. Tự tánh (ấy) lại tỏ, thấu đạt thành thật (như vị) quốc vương thi ân, dốc tu thanh tịnh. Châu báu vô biên (là) tịnh diệu bất thoái. An tĩnh đích thực, hý luận đâu còn. Hành, giải (theo) nhân thắng, thanh tịnh hiện bày. Vương giả thấu rõ thiện diệu hòa hợp. Cõi nước (của) vua ấy an tĩnh, bình đẳng (như) mẹ hiền vui sướng, vô cùng hòa hợp. Là cõi Bồ-tát tu tập vô tướng. Hành động như vậy, mong đạt thù thắng, lại không hao tổn. Ung dung tự tại (là) nghĩa tánh Như Lai. Vương giả nương tựa, (Như Lai tánh) an định, dừng lặng. Hình tướng giáo pháp tăng trưởng khắp nơi. Dứt bỏ tận cùng (mọi) nghiệp dữ, cấu nhiễm, che buộc, hý luận. Vô số các ma chẳng thể phá hoại. Thấu tỏ thu nhóm (là) nghĩa bình đẳng. Nghiệp dữ tự tạo, bệnh nạn càng tăng. Nhân quả chẳng tường, buông theo tham dục. Lực dụng tự phô chẳng rõ ngọn nguồn. Ba độc cấu uế lấn quấy tự tại. Chẳng rõ điên đảo (làm cho sợ hãi). Xa lìa các mạn, nương cõi bình đẳng. Bố thí phương tiện, phiền não không còn. Từ bỏ phóng dật (đạt được) tịch tĩnh, tự tại. Giác pháp tăng trưởng (là) xứ của an vui. Thấu triệt cái hại (của) si độn, ngã mạn. Ngọn nguồn pháp tánh Như như, vô tận. Thật tánh trọn nên, tận cùng ấy (Như như) đạt. Là nơi (nhận ra) ngã mạn, phóng dật là giả (trá). Hiểu rõ (lời) dạy khuyên, dốc theo bố thí. Các hạnh (bố thí) chân thật (nhằm tới) ba loài xấu yếu. Thanh tịnh, xa lìa. Hình tướng đạt được. Nhà cửa yên tĩnh. Quần sinh hiện bày. Nhân lành chẳng mất. Tu tập thanh tịnh. Xa lìa điên đảo. Thế nào là tu tập diệt trừ nghiệp dữ? Nhận rõ như thế, an trụ bất thoái. Nhân hành gồm đủ, tỏ ngộ như thật. Mong đạt tận cùng gốc rễ (của) hình tướng. Bậc Đại Bồ-tát phát sinh lời ấy. Phép tắc của vua rộng lớn, chân thật. Ổn định sửa trị khắp cõi là chính. Dứt trừ bệnh nạn, bố thí đói khát. Ngôn ngữ hiện rõ (đói, bệnh) thiện tịnh xa lìa. Xứ sở giảm bớt cấu nhiễm trói buộc. Diệu dụng Thánh hiền dứt bỏ các mạn. Lực dụng bố thí thanh tịnh tận cùng. Những thiện tịnh ấy (của bố thí) giải trừ đói khát. Mọi thời, khắp chốn, nhân ấy nên tu. Đói khổ càng nhiều (càng) bố thí đúng mức. Ngôn ngữ phát sinh rời bỏ vọng tưởng. Mẫu mực dốc tu, thanh tịnh vô tận. Yêu thích Thập thiện, tịch tĩnh phát sinh. Xứ của tịnh diệu biến khắp như vậy. Mong đạt đế lý, gồm đủ tự tại. Chúng sinh tạo nhân, phương tiện tu sùng. Thế nào chúng sinh hành giải tự tại? Vương giả gồm đủ (các) nhân thù thắng, lớn lao, rõ đường hành đạo. Tự tánh dứt buộc, chân thật như thế. Tăng thêm phương tiện, biết rõ khẩu hòa. Tròn một do-tuần dốc tu thắng tích. Nhân tịnh tịnh diệu, chân thật ắt đạt. (Nhân tịnh ấy) trong sáng, ấm áp, tịch tĩnh tận cùng. Nơi

chốn tạo tác nhân thắng thiện diệu. Hình tướng đáng yêu, chân thật vô biên.

Tự tánh ung dung, tự tại thù thắng. Là chốn vương giả cứu giúp đói khát. Lời thật ngợi khen khế hợp, đúng phần. Dứt sạch nghiệp dữ, tướng mạo không mất. Tận cùng dục lạc (là) thông tỏ cõi tánh. Theo nhân thắng diệu, lực đủ chuyển đổi. Thuận hợp tột bậc (là các) hình tướng bố thí. Lìa xa tai nạn, dốc tu chóng thành. Gánh vác rộng khắp, ngôn ngữ hòa thuận. Tu tập tịch tĩnh (đạt) phước báo thắng nghĩa. Ngôn ngữ thanh tịnh như thế (có khả năng) dứt bỏ mọi nhân đói khổ. Chân lý hiện bày, phát sinh (việc) dẫn dạy. Thiên chủ Đế Thích ngôn ngữ thành thật. Thập thiện như vậy (là) nhân thắng rốt ráo. Thức thứ sáu ý thức xa lìa nhiễm ác. Bố thí mong đạt ngôn ngữ thượng diệu. Nhân thắng căn bản (của) thể tánh (là) bất thoái. “Vô tánh” là gì? Tận cùng (của) thật ấy. Thiện pháp chân thật chẳng sinh hủy hoại. Hướng cầu Thánh đạo chân lý gốc tịch. Thế nào là phương tiện để nhận biết, thấu suốt? Xứ sở vua rộng lớn, tịch tĩnh. Giáo lệnh sửa trị thành tựu như vậy. Hiện bày, chuyển biến, cứu giúp không cùng. Ngôn thuyết tột bậc, khéo dứt đói khát. Thế nào là điều trọng yếu ở chốn thế gian? Cõi bờ tạo dựng, muôn dân yên tĩnh. Chánh pháp vững truyền, Tam bảo an trụ, căn bản hành động an định như vậy. Giác ngộ nhân (của tánh), lìa mọi sợ hãi. Ái lạc trói buộc (làm) đổi thay nơi chốn. Tận cùng tự tại (là) thông tỏ nhân hành. Là cõi tánh giác trí tuệ thông suốt. Chân đế hiển hiện, tham dục sạch làu. Nhân tánh chuyển biến, dứt hết đói khát. Tự tánh tĩnh trụ, chế ngự bạo lực. Luật nghi khá tuân, giới đức thanh tịnh. Lực dụng nên nương, rõ nghĩa hoan hỷ. Bậc vua nổi danh, mong không thể được. Tận cùng ngã mạn (là) chúng sinh (mãi) trôi theo mười nẻo bất thiện. Bố thí như vậy khắp cõi do-tuần. Chúng sinh thấu đạt dứt bỏ ngã mạn. Chúng sinh cầu học, lìa sợ sinh vui. Thuyết pháp khắp cõi, dẫn dắt hữu tình. Tâm của chúng sinh nhận rõ nghĩa lợi. Lực dụng mong đạt, gắng diệt tham dục. Mong cầu thuận hợp, tánh ngã lìa tham (dục). Đức hạnh tối thượng: chúng sinh chỗ dựa. Ý không phẫn, hận, tịch mặc là vậy. Bố thí chúng sinh các pháp đức hạnh. Tánh lìa sân hận, tự tại là hạnh. Nơi chốn tu tập không còn điên đảo. Gốc của tai nạn chính do tranh tụng, hý luận. Phật pháp thanh tịnh, khế hợp mọi chiều, rõ nghĩa ích lợi. Thắng nghĩa an lành, thanh tịnh tối thượng. Mong đạt dứt sạch vọng tưởng, nghiệp dữ. Đức hạnh vi diệu đạt được là thế. Lực dụng quán chiếu, thấu đạt chân thật. Giữ gìn nghĩa lợi, giả trá chẳng sinh. Hòa thuận tăng thêm, xứ của tự tại. Bố thí tăng trưởng, cõi ý thanh tịnh. Xa lìa bệnh nạn, hòa hợp hiển hiện. Các cõi trời ấy thảy đều hộ trì. Nương giữ tịnh diệu, hiện bày vô ngã. Đức hạnh hòa hợp, tánh giác thông tỏ. Cõi tánh tham ái, giải thoát nào đạt. Không nhân vọng tưởng (để) tạo nên chuyển lưu. Thanh tịnh chân thật hiện rõ như thế. Nhận rõ pháp thí (là) nhân của thù thắng. Thể tánh thiện diệu, pháp vốn tĩnh lặng. Ái lạc thượng diệu, gốc từ ba thiện. Rõ nghĩa an lành (là) tịch tĩnh trùm khắp. Quan sát chúng sinh (nào) đói khát, tai họa. Là cõi quốc vương, lực dụng dốc tu. Chân thật không mạn, yêu dưỡng trọn đủ. Phiền não không dấy, nên rất xa lìa. Gốc của đói kém. Rõ là hoại tánh. Là chốn Bồ-tát gốc sạch cấu nhiễm. Mong đạt ngọn nguồn vi diệu (của) ba thiện. Xa lìa tận cùng hình bóng đói khát. Gốc rễ thuận hợp (là) thanh lịch đích thật. Nhân thắng Thập thiện, chư Thiên trọn đủ. Dòng thác phiền não nhận rõ, dứt trừ. Tạo tác hình tướng, tham dục không mất. Tu hạnh bố thí, gốc của giáo pháp. Tận diệt điên đảo, tâm ý chuyên tu. Gốc của chư Thiên:

tạo nhân bố thí, chân thật tận cùng, đó là tăng trưởng. Tướng mạo tươi sáng, đúng (bậc) Đại trượng phu. An trụ nghiêm mật thuận hòa như thế. Tịch tĩnh đạt được, yên vững chẳng lay. Nhân diệu thanh tịnh phát sinh vô ngã. Dung mạo bạn lành trọn đủ như vậy. Lực dụng tạo tác nghĩa lợi thành tựu. Phước báo nhiều đời tận cùng xứ sở. Tạo nhân Thập thiện, dốc tu như vậy. Dung mạo

ôn hòa, hạnh của Bồ-tát. Cõi ý đạt được thanh tịnh viên mãn. Diệu dụng Bồ-tát bố thí trang nghiêm. Giới mốc thảy vượt, cấu nhiễm đều sạch. Thường trụ, hằng hữu, chân thật trùm khắp. Trượng phu (còn vướng) hý luận, tham dục còn dấy. Gốc của tạo nghiệp (tham dục dẫn tới) chốn đầy nghiệp dữ. Trí tuệ chúng sinh thấu rõ, trừ diệt. Đó thực là điều Bồ-tát lìa bỏ. Thế nào là hình tướng ung dung viên mãn? Quan sát nơi chốn khác biệt như thế. Hiểu rõ (bao thứ) nhiễm buộc, sợ hãi (ở) thế gian. Thấu suốt nơi chốn, lìa bỏ (các) nhân ấy. Thấu đạt lời (chỉ) dạy, dứt tuyệt nhân buộc. (Bậc) Hữu học nên lìa nhân của thế gian. Tự tánh thanh tịnh, trí tuệ chứng đạt. Theo (lời) thầy khuyên dạy, chúng sinh thêm trí. Thế gian dốc tu, tạo nhân rộng lớn. Ba thừa giáo hóa, cùng về Phật tánh. Bóng hình biến đổi thảy đều không thật. Tham đắm phiền não, thanh tịnh mất nhân. Hàng chúng xuất gia, xem (kẻ) ấy (là) vô trí. Phiền não, tội lỗi, Như Lai hằng dứt. Đức hạnh thâm diệu (do từ) nhân thắng thanh tịnh. Hành, giải (theo) phước đức, tùy lúc thuận ly. Chúng sinh điên đảo, tham đắm phương tiện. Sân hận dứt hết, đạt được nâng đỡ (của Bồ-tát). Là chốn nên rõ, nghĩa lợi thế gian (tạo nên) thành lũy chấp ngã. Nhận rõ nơi chốn chuyển biến thuận hợp. Vương giả giữ nước, tai nạn chẳng còn. Hành, giải gồm đủ, thông suốt khắp cõi. Xem xét thấu đạt, đức hạnh chân thật. Cõi nước của vua miền xa khó đến. Dung mạo thù thắng, tai nạn đều không. Tự tánh Niết-bàn, giải thoát hiện rõ. Bố thí chân thật (là) hạnh mật lìa vọng. Nơi chốn khế hợp tu tập tối thượng. Hướng đến tận cùng (là) tự tánh thanh tịnh. Tà hạnh chẳng tu, hòa thuận viên mãn. Nương tựa thanh tịnh, tiếp cận ngọn nguồn. Đức hạnh cùng tận (là) bình đẳng chân thực. Đạt gốc nhân thắng, hạnh mật thuận hòa. Ái lạc thanh tịnh, tịch nhiên không mất. Bồ-tát tự tại, tăng trưởng tận cùng. Tạo nhân căn bản, bố thí thấu đạt. Thế nào là Thánh đạo an lành tăng trưởng? Thấu rõ thắng hạnh, ngã mạn chẳng sinh. Món ngon đầy đủ, yêu dưỡng vô cùng. Hình tướng rốt không, tận cùng như thị. Thế nào là bố thí thanh tịnh, mẫu mực thuận hợp? Nơi chốn tịch tĩnh, thông tỏ mọi lẽ. Là cõi trí tuệ vô tướng thật bày. Tu tập tịch tĩnh, dứt mọi hoạn nạn. Đạo hạnh Bồ-tát trí tuệ chân thật. Chúng sinh lìa vọng, mọi tai nạn sạch. Tự tánh thâm diệu, phiền não đâu còn. Hạnh thí thấu suốt, lực dụng hòa hợp. Đức hạnh gồm đủ, cấu nhiễm biến đổi. (Như) mẹ hiền yêu dưỡng; vô cùng rỡ ràng. Tự tại tĩnh lặng (là) lực dụng tận cùng. Chi phần (của) giáo pháp trong lặng hiện rõ. (Như) chế độ của vua, cõi xa yên định. Nhân gốc Bồ-tát nghiêm túc lìa bỏ (phiền não). Tứ quả Thanh văn thắng nghĩa viên mãn. Chư Thiên ái lạc, giáo pháp phát huy. Dung mạo ít có, vui mừng, an định. Tịch tĩnh không tranh, trong lành như trăng. Lìa bỏ nhân tranh, chân thật vững tu. Mong nguyện hòa hợp, phước đức gồm trí. Giáo pháp căn bản, chư Thiên nương theo. Thương xót chúng sinh luân lưu chìm đắm. Là cõi tham dục điên đảo vô cùng. Thánh pháp gồm đủ, nhân nhiễm đều dứt. Hành, giải đầy đủ, tinh cầu chánh pháp. Tùy thuận bố thí tức là tự tại. Thâm diệu tột bậc, ma chẳng thể hoại. Quốc vương mến mộ, khắp chốn tịch tĩnh. Tạo

tác nghiêm túc, chuyển biến tự tại. Ngọn nguồn nghiệp dữ thảy đều dứt sạch. Là cõi trí tuệ xa lìa dòng thác: bao loại điên đảo, nhiễm buộc, các mạn. Chi phần Bồ-tát tu tập tịch tĩnh. Tâm ý lặng dừng đạt nhân không mất. Tánh không vốn tịnh, an tĩnh tự tại. Cõi người gánh vác như bậc mẹ hiền. Phiền não tận diệt, tự tại đúng tên. Là chốn quốc vương năng trị tham dục, sân hận, ngu si, khinh mạn các loại. Muôn loài, quyến thuộc dứt mọi đói khát. Tự tánh Bồ-tát thanh tịnh phát huy. Thân tâm chúng sinh đạt được chân thật. Vương giả tu sùng nghiệp gốc như

thế. Nghiệp dữ ấy do vọng tưởng trói buộc. Mười loại căn bản (của) dòng thác phiền não. Bố thí bình đẳng hành động phát huy. Chân thật, không tranh, lực dụng trọn đủ. Cõi tánh thanh tịnh, trang nghiêm tốt đẹp. Thấu đạt cõi tánh, nhân (của) bậc hữu học. Ngọn nguồn giới luật bao la bày hiện. Tùy thuận, phát huy, chuyển biến, an định. Căn bản Thập thiện tánh vốn hằng có. Hoạn nạn, tham dục chuyển đổi không vướng. Dốc tu hạnh thí, chân thật hợp phần. Hý luận như thế gốc do thiếu tuệ. Chế ngự tai nạn, thâm nhập tĩnh lặng. Nhận biết, thấu rõ gốc rễ (của) phóng dật. Là xứ Bồ-tát dạy pháp Vô thượng. Thế nào là phiền não ở cõi ý khó đoạn? Mong cầu không thật, tạo tác vô cùng. Như mẹ nuôi con luôn luôn bảo, giữ. (Giúp cho) chúng sinh thấu tỏ các pháp tịch tĩnh. Lực dụng vô ngã (là) sức nhân bạn lành. Tịch tĩnh phát huy, dứt mọi lo sợ. Mười loại pháp thiện (tu tập, đem lại) tự tại tận cùng. Ngăn nẻo bất tịnh, ngôn ngữ (thêm) dồi dào. Dốc lòng tu tập, khắp chốn khắp nơi. Tạo nhân vô biên, mong chẳng thể thấy. Tự tánh chân thật, rõ nghiệp bao đời. Dứt bỏ kiêu mạn, tùy thuận khá đạt. Chúng sinh điên đảo, chỉ dạy thanh tịnh, trí tuệ thông tỏ: Xiết bao công phu, chúng sinh thấu đạt, dứt nhiễm tận cùng. Nhân của ái lạc, thuận theo dòng chuyển. Chúng sinh nhận rõ phiền não, lỗi lầm. Là chốn quốc vương thi ân dân chúng. An trụ (trong) biến động, mong đạt tịch tĩnh. Trí tuệ thông tỏ, hướng cầu giải thoát. Dung mạo dốc tu thiền định, trí tuệ. Bồ- tát dứt bỏ trói buộc như vậy. Bố thí chúng sinh nghĩa lợi chân thật. Hành, giải gồm đủ, tự tại thể hiện. Lành thay hạnh xả! Tu tập, xa lìa. Bậc Đại Bồ-tát chỉ dạy dẫn dắt. Là lúc quốc vương cùng với chúng dân an vui bố thí, dốc lòng tu tập. Châu báu, kho tàng một thời bỏ hết. Là cõi chúng sinh kiêu dật như vậy. Trong khoảng tịch tĩnh, không nhân phiền não. An trụ rốt ráo. Nhận rõ bố thí, chẳng cầu hình tướng. Tĩnh lặng không chao, như trăng trong sáng. Tâm thiện xa lìa dòng thác phiền não. Nghiệp dữ, các mạn không thể dấy thêm. Quan sát vọng tưởng (tỏ được) gốc thường chẳng sinh. Nơi chốn tịch tĩnh, (là) tự tánh đúng thực. Nhiễm ác, trói buộc, gồm đủ hình tướng. Như vậy, (là) chúng sinh mang lấy sắc tướng. Xa lìa nhân nhiễm, thanh tịnh hiện bày. Nghĩa lợi vui sướng hình tướng lộ rõ. Quả báo thế gian, trọn nên trừ nghiệp. (Các quả báo như) sinh kế đói khát, điên đảo, ngạo mạn. Mong thảy xa lìa, hoạn nạn cũng dứt. Điên đảo hợp phần (là do) tạo tác (từ) bao đời. Hình tướng trói buộc, biến đổi dứt sạch. Bố thí thù thắng mong đạt thanh tịnh. Tu tập tánh từ, nhân thiện hòa hợp. Khắp chốn giữ gìn (tránh) tai họa, bụi nhơ. Hướng tiến tu học (là nhằm) diệt sạch phiền não. Bụi bặm không xua, thanh tịnh nào đạt. Giá như nghiệp dữ lại sinh tận cùng. Gốc rễ rộng lớn, nhân của cùng tận. Ham thích tu thí, hướng cầu thanh tịnh. Chỉ dạy chúng sinh, tùy thuận giữ gìn. Quốc vương vững tu, xứ sở rộng khắp. Hữu tình thế gian gốc theo tam thiện (là) không tham, không sân, không si. Là gốc thiện của tự tánh ung

dung. Tà kiến, nghiệp dữ thật sự không còn. Thương dẫn muôn loài (ra khỏi) tội lỗi, điên đảo. Thuận theo tịch mặc bao la là thế. Tam bảo an trụ, hành động thuận hợp. Thiếu trí vững tu, mong cầu sân hận. Xứ sở thành ấp: Xóm Thánh làng thân. Tạo nhân thanh tịnh, hình tướng hiện bày. Ở nơi già- lam, thiền định tịch tĩnh. Tự tánh hữu tình chuyển biến, an định. Tứ thiền căn bản, năm dục đều dứt. Bình đẳng thành tựu, gốc của an lạc. Chân thật tận cùng (là) nghiệp dữ chuyển đổi. Dứt mọi hình tướng đói khát, bụi cấu. Thập thiện phát huy, chốn ấy, (đói khát, phiền não) không còn. Hành động thích ứng, si mạn đều dứt. Thâm diệu, dứt sợ, tịch tĩnh hiện bày. Mong cầu an định, thấy rõ nhân gốc. Công dụng Thập thiện dứt trừ trói buộc. Thế nào là hình tướng chân thật chẳng mất? Bố thí thanh tịnh (là) nghiệp nhân hành động. Chân thật thắng nghĩa (là) vật dụng thích ứng. Thâm diệu thành tựu, tự tại khế hợp. Tạo nghiệp hý luận (làm) đảo điên tự tánh.

Tâm hướng Bồ-đề, thắng nghĩa viên mãn. Hành thí hợp phần mong đạt tịch tĩnh. Căn bản tĩnh trụ, biến chuyển tự đạt. Tu thí đầy đủ (bậc) hữu học (đạt được) thanh tịnh. Tôn tạo tranh tượng hết lòng thể hiện. Căn bản tất thảy tu thí tận cùng. An lạc từ trước (làm) tăng trưởng an định. Trong cảnh thanh tịnh, dứt nhân nghiệp dữ. Hành, giải hợp nhất. Thế nào là hình tướng ngã mạn tận cùng? Tự tánh xưa nay nhiều loài thấu đạt. Các nghiệp quá khứ, an lạc thảy cầu. Xa lìa đói khát phước đức thuận hợp. Gốc rễ không phân, ngọn ngành có khác. Bố thí (nhằm dứt) tham dục, điên đảo trói buộc. Dòng thác phiền não hiện hành như vậy. Tu thí tự tại, tiêu trừ hý luận. Nghiệp thiện đạt được, thắng lợi viên mãn. Năng lực tinh tấn dứt mạn, si độn. Xứ sở chuyển đổi, hành động lại thêm. Thế gian an lạc, yên định đích thực. Nhận thức sáng tỏ, thuận hợp là vậy. Hành, giải gồm đủ, thù thắng vô cùng. Chi phần chân thật, linh động hòa hợp. Nền tảng Phật pháp chính là vô tướng. Quốc vương trị nước, gốc pháp chân thật. Tu tập thuận hợp, mẫu mực hiện bày. Thấu đạt thanh tịnh, chế ngự là chính. Hướng tới dứt trừ điên đảo, nghiệp dữ. Dòng thác phiền não không ngoài căn, tùy. Trí tuệ phát sinh (từ) hòa hợp tột bậc. Xa lìa (phiền não) mong đạt tĩnh lặng, thuận hợp. Lãnh thổ của vua tịch tĩnh tận cùng. Hiểu biết hành động, lìa mọi tai nạn. Là cõi Bồ-tát thấu tỏ, thuận hợp. Ngăn chặn tất cả các pháp bất tịnh. Hữu tình thấy rõ, an lạc tăng thêm. Tham dục của vua thật là không bờ. Nhân điên đảo ấy hốt nhiên dứt hết. Nuôi dưỡng muôn loài, mong cầu Thánh đức. Trong ngoài tịch tĩnh, theo thời nhận biết. Hành động phát huy, gốc từ mẫu mực. Là chốn Bồ-tát như hạnh mẹ hiền. Thông tỏ đúng phần, dứt bỏ điên đảo. Quan sát tăng thêm, chế ngự tất cả. Hành, giải hướng tới thắng nghĩa thanh tịnh. Thân tâm không nhân, căn bản khế lý. Chế ngự điên đảo, tự tánh hiện bày. Gốc của an định do từ bố thí. Phước đức rốt ráo, tự tại an tĩnh. Vô ngã, thanh tịnh, tăng thêm ái lạc. Tự tánh thông tỏ cội rễ dòng thác. (Cùng với) đói khát, hoạn nạn, hình tướng hý luận. Si độn, các mạn chấm dứt, tịch tĩnh tận cùng. Như sư tử vương nuôi dưỡng đủ đầy. Hình tướng đầy đủ, nơi chốn dứt sợ. Tự tánh thích ứng tạo nhân vi diệu. Cung kính cúng dường, thiện diệu chuyển biến. Thế nào là nhân thắng tăng trưởng thực sự? Trí tuệ tịnh diệu, tịch tĩnh chế ngự (phiền não). Xa lìa ngôn thuyết, nơi chốn tùy thuận. Thế nào là thắng nghĩa chuyển biến thuận hợp? (Đạt) nhân thắng thanh tịnh, tánh phiền chẳng sinh. Tịnh diệu như thế. Bồ-tát chỉ dạy, tự tại hiện bày. Ngôn ngữ khế hợp,

thuyết pháp độ khắp. Vương giả làm sao sửa trị khắp cõi? Tự tánh quan sát pháp thiện không tranh. Nhân diệu thanh tịnh rõ nghĩa dưỡng nuôi. Chân lý thuận hợp, căn bản gồm đủ. Tự tánh hòa hợp, thân tâm an lạc. Nơi của nuôi dưỡng (an lạc là) tu tập vô bờ. Hiểu biết thấu đạt, hướng cầu chân thật. Tuệ giác đạt được tối thượng tận cùng. Thánh pháp thanh tịnh, dứt buộc như vậy. Ngọn nguồn gồm đủ hý luận không quấy. Tự tánh thanh tịnh, phiền não hằng dứt. Các pháp (của) tự tánh (là) gốc mọi lưu chuyển (dẫn đến) si độn, các mạn, kiêu, phóng dấy khắp. Gốc mọi tai họa vốn là tĩnh lặng. Chúng sinh đuổi theo bóng hình không thật. Bồ-tát phải dốc chỉ dạy (lý) tối thượng. (Giúp) tự tánh nhận ra nghiệp dữ, đói khổ. (Nhận ra) là chốn phiền não chồng chất từ trước. Nghĩa lợi rộng lớn (là làm cho) chúng sinh (được) thanh tịnh. Tạo nhân bố thí (đạt) tĩnh lặng thiện diệu. Chúng sinh tỏ ngộ theo nhân Bồ-tát. Thập thiện phát khởi, an trụ không chao. Giáo pháp gồm đức, bản lai vốn không. Bản tánh tùy thuận hiện bày có khác. Thâm diệu phát huy, nhân thắng là thế. Yên vững an định. Thế nào là thân tâm tịch tĩnh trọn đủ?

Tu tập chân thật, vô úy thành tựu. Tự tại tận cùng (là) thắng nghĩa vô sinh. Như vậy là Bồ-tát đạt được quả vị A-la-hán thanh tịnh, chẳng động. Xoay chiều dòng thác điên đảo phiền não. Dứt nhân vọng động, hoạn nạn cũng dừng. Quan sát chúng sinh, bố thí thanh tịnh. Diệu dụng giải thoát (là) tịch tĩnh thắng nghĩa. Là lúc dạy khuyên dốc tu tự tại. Chấp ngã rộng lớn không cùng là thế: Cội rễ nơi sinh (của) dòng thác phiền não. Lại phải hành động (để) dứt bỏ, xa lìa. Quan sát rõ lẽ, thấu tỏ đúng phần. Thế nào là chúng sinh chế ngự tự tánh? Hành động ung dung, đúng phần, lâu dài. Tự tánh căn bản, tịch tĩnh như (cõi) không. Quan sát mình, người, thanh tịnh cùng lợi. Là chốn tùy thuận, thù thắng tột bậc. Đủ sức thực hành, trọn thêm vô úy. Đó là Đại thừa giác ngộ, giải thoát, tạo nhân giáo hóa, ví như hoa sen mọc lên từ bùn. Thanh tịnh thắng nghĩa (là) cội rễ (để) chế ngự. Tạo nhân tu thí, đạt được thiện lợi. Tướng gốc (của) nghiệp dữ (là do) chẳng chịu thi ân. Tỏ ngộ cấu uế, thanh tị

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.